

Số: 31/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-DT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách

địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

(Có Quy định kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này áp dụng cho ngân sách giai đoạn 2022-2025 đối với nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, Kỳ họp chuyên đề lần thứ bảy thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: LĐTBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La**
*(Kèm theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022
của HĐND tỉnh Sơn La)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố sử dụng kinh phí Chương trình giai đoạn 2021-2025.
2. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và địa phương, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo, xã có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong toàn tỉnh.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách do trung ương phân bổ và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước của địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHO TỪNG DỰ ÁN

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số, hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của huyện (*sau đây viết tắt là huyện*) để tính hệ số căn cứ vào số liệu tại Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).

2. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số căn cứ vào Quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31/12/2020.

3. Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đặc điểm địa lý của huyện nghèo căn cứ vào Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08/3/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định đơn vị hành chính miền núi, vùng cao, hải đảo.

4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi của các huyện theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế quản lý.

5. Số lượng tuyển sinh của huyện và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

6. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của các huyện căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục thống kê tỉnh.

Điều 5. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

1. Vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đầu tư cho các huyện nghèo:

(1) Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện

Quy mô dân số của huyện	Hệ số
Dưới 15.000 hộ	0,17
Từ 15.000 hộ trở lên	0,2

(2) Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện nghèo

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 45%	0,3
Từ 45% đến dưới 50%	0,33
Từ 50% đến dưới 55%	0,37

(3) Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo

Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	Hệ số
Huyện có xã biên giới	0,14
Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	0,1
Từ 10 đến dưới 20 xã	0,12
Từ 20 xã trở lên	0,14

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức:

$$A_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

+ A_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo của tỉnh để thực hiện Dự án 1 của Chương trình.

2. Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng:

- Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho huyện nghèo (bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn phân bổ cho từng địa phương).

- Tiêu chí và hệ số phân bổ, phương pháp tính, xác định phân bổ vốn sự nghiệp cho các huyện nghèo: áp dụng như vốn đầu tư của Dự án.

Điều 6. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6
Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 15 xã	1,15
Từ 16 đến 20 xã	1,3
Từ 21 đến 25 xã	1,5
Từ 26 xã trở lên	2

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức sau:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- + C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i
 - + X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .
 - + Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i tính theo công thức: $Y_i = 0,12 \times HN_i \times 2,5 + ĐV_i$
 - + HN_i là huyện nghèo và $HN_i = 1$.
 - + $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .
- Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Điều 7. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6
Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 15 xã	1,15
Từ 16 đến 20 xã	1,3

Từ 21 đến 25 xã	1,5
Từ 26 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

+ $Đ_i$ là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

+ Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i tính theo công thức: $Y_i = 0,12 \times HN_i \times 2,5 + ĐV_i$

+ HN_i là huyện nghèo và $HN_i = 1$.

+ $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ 10% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án cấp tỉnh thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

b) Phân bổ 90% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

* Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện:

(1): Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(2) Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	1

Từ 10 đến 15 xã	1,15
Từ 16 đến 20 xã	1,3
Từ 21 đến 25 xã	1,5
Từ 26 xã trở lên	2

(3) Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện	Hệ số
- Dưới 10%	1
- Từ 10% đến dưới 20%	1,2
- Từ 20% đến dưới 25%	1,4
- Từ trên 25%	1,6

* Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

+ E_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ DD_i là hệ số tiêu chí tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .

+ Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i tính theo công thức: $Y_i = 0,12 \times HN_i \times 3 + ĐV_i$

+ HN_i là huyện nghèo và $HN_i = 1$.

+ $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số (90%) vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Điều 8. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo**

* Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập:

(1) Tiêu chí 1: Số lượng tuyển sinh học ngành, nghề (*trừ sư phạm*) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
- Số lượng tuyển sinh dưới 200 người/năm	0,3
- Số lượng tuyển sinh từ 200 người/năm đến dưới 300 người/năm	0,5
- Số lượng tuyển sinh từ 300 người/năm trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Số lượng tuyển sinh học ngành, nghề (*trừ sư phạm*) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là đối tượng thuộc hộ nghèo và cận nghèo; hộ sinh sống trên địa bàn huyện nghèo

Số lượng tuyển sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ sinh sống trên địa bàn huyện nghèo	Hệ số
- Số lượng tuyển sinh dưới 100 người/năm	0,3
- Số lượng tuyển sinh từ 100 người/năm đến dưới 150 người/năm	0,5
- Số lượng tuyển sinh từ 150 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$I_i = Q.X_i$$

Trong đó:

+ I_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i theo công thức:

$$X_i = SL1_i + SL2_i$$

+SL_{1i} là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

+SL_{2i} là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh đối tượng thuộc hộ nghèo và cận nghèo; hộ sinh sống tại huyện nghèo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

Q là vốn bình quân cho một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Xi}$$

G là tổng số vốn đầu tư ngân sách trung ương phân bổ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

** Đối với vốn sự nghiệp*

a) Phân bổ 20% tổng số vốn sự nghiệp trung ương phân bổ cho cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án cấp tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4.

b) Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp trung ương phân bổ hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập:

(1) Tiêu chí 1: Số lượng tuyển sinh học ngành, nghề (*trừ sư phạm*) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
- Số lượng tuyển sinh dưới 200 người/năm	0,3
- Số lượng tuyển sinh từ 200 người/năm đến dưới 300 người/năm	0,5
- Số lượng tuyển sinh từ 300 người/năm trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Số lượng tuyển sinh học ngành, nghề (*trừ sư phạm*) của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là đối tượng thuộc hộ nghèo và cận nghèo; hộ sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

Số lượng tuyển sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ sinh sống trên địa bàn huyện nghèo	Hệ số
- Số lượng tuyển sinh dưới 100 người/năm	0,3
- Số lượng tuyển sinh từ 100 người/năm đến dưới 150 người/năm	0,5

- Số lượng tuyển sinh từ 150 người/năm trở lên	0,7
--	-----

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn sự nghiệp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$H_i = Q.X_i$$

Trong đó:

+ H_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i theo công thức:

$$X_i = SL1_i + SL2_i$$

+ $SL1_i$ là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

+ $SL2_i$ là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh đối tượng thuộc hộ nghèo và cận nghèo; hộ sinh sống tại huyện nghèo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số (40%) vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

c) Phân bổ 40% tổng số vốn sự nghiệp trung ương phân bổ hỗ trợ các huyện đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5

Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6
Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 15 xã	1,15
Từ 16 đến 20 xã	1,3
Từ 21 đến 25 xã	1,5
Từ 26 xã trở lên	2

(5) Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện

Số lượng tuyển sinh (sơ cấp, thường xuyên) trên địa bàn huyện	Hệ số
Huyện tuyển sinh dưới 150 người/năm	0,5

Huyện tuyển sinh từ 150 người/năm đến dưới 300 người/năm	0,6
Huyện tuyển sinh từ 300 người/năm trở lên	0,7

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ được tính theo công thức: $K_i = Q.X_i$

Trong đó:

+ K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,12.HN_i + ĐV_i + TS_i$$

+ TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

+ QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

+ HN_i là huyện nghèo và $HN_i = 1$.

+ $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

+ TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số (40%) vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện các nội dung hỗ trợ Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Phân bổ 18% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án cấp tỉnh thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

b) Phân bổ 82% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện nghèo thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

c) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện nghèo:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5

Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6
Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- + L_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .
- + X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .
- + Y_i là hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn.

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số (82%) vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ 10% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án cấp tỉnh thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

b) Phân bổ 90% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

c) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6
Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	Hệ số
Dưới 40.000 người	1
Từ 40.000 đến dưới 60.000 người	1,3
Từ 60.000 đến dưới 80.000 người	1,6

Từ 80.000 đến dưới 100.000 người	1,9
Từ 100.000 người trở lên	2,2

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục thống kê tỉnh.

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

+ M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

+ Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số (90%) vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Điều 9. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

1. Phân bổ 100% vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của Ủy ban nhân dân huyện nghèo.

2. Định mức hỗ trợ: nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương.

Điều 10. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ 30% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án cấp tỉnh thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

b) Phân bổ 70% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

c) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6
Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 15 xã	1,15
Từ 16 đến 20 xã	1,3
Từ 21 đến 25 xã	1,5

Từ 26 xã trở lên	2
------------------	---

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó: N_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i tính theo công thức: $Y_i = 0,12 \times HN_i + ĐV_i$

Trong đó:

+ HN_i là huyện nghèo và $HN_i = 1$.

+ $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số (70%) vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ 35% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án cấp tỉnh thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

b) Phân bổ 65% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

c) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6
Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 15 xã	1,15
Từ 16 đến 20 xã	1,3
Từ 21 đến 25 xã	1,5
Từ 26 xã trở lên	2

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

+ P_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

+ Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i tính theo công thức: $Y_i = 0,12 \times HN_i + ĐV_i$

+ HN_i là huyện nghèo và $HN_i = 1$.

+ $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số (65%) vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

Điều 11. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ 25% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho cơ quan chủ trì thực hiện Tiểu dự án cấp tỉnh thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

b) Phân bổ 75% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện thực hiện các nội dung hỗ trợ của Tiểu dự án.

c) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	Hệ số
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 đến dưới 6.000 hộ	0,5
Từ 6.000 đến dưới 9.000 hộ	0,6

Từ 9.000 đến dưới 12.000 hộ	0,7
Từ 12.000 đến dưới 15.000 hộ	0,8
Từ 15.000 hộ trở lên	0,9

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	Hệ số
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 15 xã	1,15
Từ 16 đến 20 xã	1,3
Từ 21 đến 25 xã	1,5
Từ 26 xã trở lên	2

d) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

+ R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

+ X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

+ Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn và số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i tính theo công thức: $Y_i = 0,12 \times HN_i + ĐV_i$

+ HN_i là huyện nghèo và $HN_i = 1$.

+ $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số (75%) vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh thực hiện Dự án 7 của Chương trình.

Mục 2

TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Hàng năm ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện) bố trí vốn đối ứng theo phân cấp quản lý ngân sách bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình tương ứng theo cơ cấu nguồn vốn đầu tư, vốn sự nghiệp./.